

Bản án số: 124/2026/HS-PT
Ngày 04 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai, bà Bùi Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2026/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo Trần Tiến T và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2026/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Phú Thọ.

1. Trần Tiến T, sinh ngày 08/3/1983 tại Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã L, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026083006115; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; Con ông Trần Đông Y và bà Nguyễn Thị V (đều đã chết); Vợ không; Có 01 con sinh năm 2017; tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 34/2020/HSST ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/3/2023, đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong hình sự. Chưa thi hành khoản bồi thường, chưa hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, chưa xóa án tích.

Nhân thân: Năm 1999 có hành vi Trộm cắp tài sản, bị Ủy ban nhân dân xã V, L, Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt hành chính - Cảnh cáo, đã chấp hành xong; Năm 1999 bị Ủy ban nhân dân tỉnh V (cũ), Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường G trong thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong ngày 17/6/2001; Năm 2006 có hành vi Trộm cắp tài sản, bị Công an huyện L, Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt hành chính, phạt tiền, đã nộp xong tiền phạt ngày 31/3/2006; Tại Bản án số 12/2007/HSST ngày 08/02/2007, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (*Trị giá tài sản trộm cắp = 900.000đ*). Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2007, đã xóa án tích theo

Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19.6.2009 của Quốc Hội; Ngày 11/3/2009, phạm tội Trộm cắp tài sản (*trị giá tài sản trộm cắp = 525.000đ*), bị Cơ quan CSĐT Công an huyện L, Vĩnh Phúc khởi tố bị can. Do sửa đổi BLHS năm 1999, căn cứ Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19.6.2009 của Quốc Hội, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án (*do trị giá tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ và xác định bị can không có tiền án, tiền sự về tội chiếm đoạt tài sản*); Năm 2014, phạm tội “Cố ý gây thương tích”, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện L, Vĩnh Phúc (cũ) ra Quyết định khởi tố bị can, sau đó ra quyết định đình chỉ điều tra bị can do bị hại rút yêu cầu khởi tố; Tại Bản án số 24/2016/HSST ngày 07/6/2016, Tòa án nhân dân huyện lập T1, Vĩnh Phúc xử phạt 07 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/10/2016, đã nộp xong án phí ngày 18/01/2019, đã xóa án tích; Tại Bản án số 29/2017/HSST ngày 04/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/7/2018, đã nộp xong án phí, đã bồi thường xong cho bị hại tháng 12/2017, đã xóa án tích; Năm 2018 có hành vi Đánh bạc, bị Công an huyện L, Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt hành chính (Phạt tiền), đã nộp phạt xong ngày 26/9/2018; Năm 2020 có hành vi Sử dụng công cụ hỗ trợ trái quy định, bị Công an huyện L, Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt hành chính - Phạt số tiền 3.000.000đ (*Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05 ngày 06.8.2020*), đã xóa tiền sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, (có mặt).

2. Lãng Văn B, sinh ngày 20/12/1985 tại Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã L, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026085013493; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Lãng Văn N và bà Trần Thị N1; có vợ Lê Hải Y1 và có 03 con; tiền sự: không.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 21/2023/HS-ST ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Đánh bạc”, đã nộp xong án phí, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 23/9/2024 (*đến 23.9.2025 mới được xóa án tích*).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại nơi cư trú, (có mặt).

3. Trần Văn C, sinh ngày 23/01/1973 tại Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã S, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026073002088; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; con ông Trần Văn C1 (tức Nguyễn Văn C2) và bà Nguyễn Thị L; có vợ Nguyễn Thị C3 và có 03 con, tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Ngày 23/7/2024 có hành vi Đánh bạc, bị Công an huyện S, Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt hành chính - phạt tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 295 ngày 02/10/2024, nộp xong tiền phạt ngày 21/02/2025.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Như T2, trú tại thôn T, xã L, tỉnh Phú Thọ, là người có sở thích nuôi gà chọi, nên T2 đã chuẩn bị “*Cót quây gà*” để cho gà chọi tập chọi nhau, trên sân nhà tầng 3 nhà T2. Chiều ngày 01/9/2025 Nguyễn Tiến T3 và Trần Trung H, đều trú tại xã L, tỉnh Phú Thọ gặp nhau rồi thỏa thuận: Sáng 02/9/2025 Tiến T3 và H mỗi người mang 01 con gà chọi đến nhà Nguyễn Như T2 để vận gà.

Khoảng 09h ngày 02/9/2025, Trần Trung H (là cháu gọi Nguyễn Như T2 là cậu ruột) và Nguyễn Tiến T3, mỗi người mang theo 01 con gà chọi đến nhà Nguyễn Như T2 hỏi và được T2 đồng ý cho mượn “*Cót quây gà*” ở tầng 3 để chơi chọi gà. Sau đó Nguyễn Chí C4, Lăng Văn B, Nguyễn Thế M, Trần Tiến T, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Khánh T4, Nguyễn Đình C5, đều trú tại xã L, tỉnh Phú Thọ; Ngô Thế C6, trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ; Trần Văn C, trú tại xã S, tỉnh Phú Thọ, lần lượt đến nhà Nguyễn Như T2 để xem chọi gà, sau đó nảy sinh đánh bạc dưới hình thức cá cược chọi gà thắng thua bằng tiền.

Trước khi thả gà chọi vào quây gà để chọi gà, Nguyễn Tiến T3 khởi xướng, rủ Trần Trung H cá cược với nhau trước. Tiếp đó những người nêu trên vừa xem chọi gà, vừa hô hào cá cược được thua bằng tiền với nhau tương ứng với tỷ lệ cá cược, mỗi đối tượng tham gia cá cược sẽ nhận 01 con gà thắng rồi đặt cược hoặc góp tiền để cá cược; tỷ lệ cá cược do các đối tượng tham gia tự thỏa thuận với nhau bằng miệng, một số kèo cá cược được các đối tượng ghi vào tin nhắn điện thoại di động (ĐTDD) để nhớ và cùng thống nhất, khi 02 con gà chọi nhau phân định thắng thua, thì các bên sẽ thanh toán tiền cho nhau.

Nguyễn Chí C4, Lăng Văn B, Ngô Thế C6, Nguyễn Thế M, Nguyễn Tiến T3, Trần Trung H, Trần Văn C, Trần Tiến T, Nguyễn Khánh T4, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Đình C5, cùng nhau cá cược chọi gà thắng thua bằng tiền từ khoảng hơn 9 giờ đến 10 giờ 15 phút ngày 02/9/2025, khi hai con gà đang đá với nhau chưa phân thua thắng thì bị lực lượng Công an xã lập Thạch, tỉnh Phú Thọ phát hiện quả tang, lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng theo quy định.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và số tiền để sử dụng đánh bạc như sau:

- Nguyễn Tiến T3 rủ Trần Trung H đánh bao, trước khi thả gà chọi vào quây gà cho đá nhau (*Nguyễn Tiến T3 cá cược gà của mình thắng; Trần Trung H cá cược gà của mình thắng*), cụ thể: Nguyễn Tiến T3 đặt cược 1.000.000đ để cá cược với Trần Trung H đặt cược 1.000.000đ.

Nguyễn Tiến T3 nhận gà của Trần Trung Hiếu T5 để đặt cược đánh bạc, cụ thể: Nguyễn Tiến T3 đặt cược 800.000đ để cá cược với Nguyễn Thế M đặt cược 1.000.000đ. Tổng số tiền thực tế Nguyễn Tiến T3 đã sử dụng để đánh bạc là 1.800.000đ. Tổng số tiền Nguyễn Tiến T3 phải chịu trách nhiệm hình sự là 1.800.000đ.

- Trần Trung H và Nguyễn Tiến T3 thỏa thuận đánh bao (Trần Trung H cá cược gà của mình thắng; Nguyễn Tiến T3 cá cược gà của mình thắng). Trần Trung H đặt cược 1.000.000đ để cá cược với Nguyễn Tiến T3 đặt cược 1.000.000đ. Trần Trung H cá cược gà của mình thắng, góp tiền để đánh bạc, cụ thể: H góp 250.000đ, Nguyễn Chí C4 góp 4.750.000đ = 5.000.000đ, để Nguyễn Chí C4 đặt cược 5.000.000đ cá cược với Lăng Văn B đặt cược 10.000.000đ. Tổng số tiền thực tế H đã sử dụng để đánh bạc là 1.250.000đ. Tổng số tiền H phải chịu trách nhiệm hình sự là 6.000.000đ.

- Nguyễn Chí C4 cá cược gà của Trần Trung Hiếu T5 với số tiền đánh bạc như sau: Nguyễn Chí C4 đặt cược 1.000.000đ để cá cược với Nguyễn Duy H1 đặt cược 1.000.000đ. Nguyễn Chí C4 đặt cược 1.800.000đ để cá cược với Trần Tiến T đặt cược 300.000đ. Nguyễn Chí C4 đặt cược 1.000.000đ để cá cược với Nguyễn Khánh T4 đặt cược 1.000.000đ. Nguyễn Chí C4 góp 4.750.000đ, Trần Trung H góp 250.000đ = 5.000.000đ, để Nguyễn Chí C4 đặt cược 5.000.000đ cá cược với Lăng Văn B đặt cược 10.000.000đ. Nguyễn Chí C4 cá cược gà của Nguyễn Tiến T3 thắng, đặt cược 3.000.000đ để cá cược với Ngô Thế C6 đặt cược 10.000.000đ (Ngô Thế C6 góp 3 triệu, Trần Tiến T góp 4 triệu, Trần Văn C góp 3 triệu). Tổng số tiền thực tế C4 sử dụng để đánh bạc là 11.550.000đ. Tổng số tiền C4 phải chịu trách nhiệm hình sự là 11.800.000đ.

- Lăng Văn B cá cược gà của Nguyễn Tiến T3 thắng: Trong đó Lăng Văn B góp 5 triệu, Nguyễn Thế M góp 5 triệu = 10.000.000đ, để B cá cược với Nguyễn Chí C4 đặt cược 5.000.000đ. Tổng số tiền thực tế B đã sử dụng để đánh bạc là 5.000.000đ. Tổng số tiền B phải chịu trách nhiệm hình sự là 10.000.000đ.

- Ngô Thế C6 đánh bạc trực tiếp với nhiều người, cụ thể: C6 cá cược gà của Trần Trung Hiếu T5 rồi đánh bạc như sau: Đặt cược 2.000.000đ để cá cược với Nguyễn Thế M đặt cược 500.000đ. Đặt cược 2.000.000đ để cá cược với Nguyễn Khánh T4 đặt cược 800.000đ. Đặt cược 1.000.000đ để cá cược với Nguyễn Đình C5 đặt cược 300.000đ. Đặt cược 600.000đ để cá cược với Trần Văn C đặt cược 600.000đ. Ngô Thế C6 góp 3.000.000đ, Trần Tiến T góp 4.000.000đ, Trần Văn C góp 3.000.000đ = 10.000.000đ, để Ngô Thế C6 đặt cược 10.000.000đ cá cược với Nguyễn Chí C4 đặt cược 3.000.000đ. Tổng số tiền thực tế Ngô Thế C6 đã sử dụng để đánh bạc là 8.600.000đ. Tổng số tiền Ngô Thế C6 phải chịu trách nhiệm hình sự là 15.600.000đ.

- Nguyễn Thế M đánh bạc trực tiếp với nhiều người: Mạnh cá cược gà của Nguyễn Tiến T3 thắng với số tiền đánh bạc, cụ thể: M góp 5.000.000đ, Lăng Văn B góp 5.000.000đ = 10.000.000đ để Lăng Văn B đặt cược 10.000.000đ để cá cược với Nguyễn Chí C4 đặt cược 5.000.000đ. M đặt cược 1.000.000đ cá cược với Nguyễn Tiến T3 đặt cược 800.000đ. M đặt cược 500.000đ cá cược với

Ngô Thế C6 đặt cược 2.000.000đ. Tổng số tiền thực tế M đã sử dụng để đánh bạc là 6.500.000đ. Tổng số tiền M phải chịu trách nhiệm hình sự là 11.500.000đ.

- Trần Văn C đánh bạc trực tiếp với nhiều người: Trần Văn C cá cược gà của Nguyễn Tiến T3 thắng rồi đánh bạc như sau: Trần Văn C đặt cược 600.000đ để cá cược với Ngô Thế C6 đặt cược 600.000đ. Trần Văn C cá cược gà của Trần Trung Hiếu T5 rồi đánh bạc: Trần Văn C góp 3 triệu, Trần Tiến T góp 4 triệu, Ngô Thế C6 góp 3 triệu = 10.000.000đ, để Ngô Thế C6 đặt cược 10.000.000đ cá cược với Nguyễn Chí C4 đặt cược 3.000.000đ. Tổng số tiền Trần Văn C đã sử dụng để đánh bạc là 3.600.000đ. Tổng số tiền C phải chịu trách nhiệm hình sự là 10.600.000đ.

- Trần Tiến T đánh bạc trực tiếp với nhiều người: Tự nhận gà của Trần Trung Hiếu T5 đặt cược tiền để đánh bạc, cụ thể: Tự góp 4.000.000đ, Ngô Thế C6 góp 3.000.000đ, Trần Văn C góp 3.000.000đ = 10.000.000đ, để Ngô Thế C6 đặt cược 10.000.000đ cá cược đánh bạc với Nguyễn Chí C4 đặt cược 3.000.000đ. T nhận gà của Nguyễn Tiến T3 thắng để đặt cược tiền đánh bạc: Tự đặt cược 300.000đ cá cược với Nguyễn Chí C4 đặt cược 1.800.000đ. Tổng số tiền thực tế T đã sử dụng để đánh bạc là 4.300.000đ. Tổng số tiền T phải chịu trách nhiệm hình sự là 10.300.000đ.

- Nguyễn Khánh T4 đặt cược 1.000.000đ để cá cược đánh bạc với Nguyễn Chí C4 đặt cược 1.000.000đ. Đặt cược 800.000đ để cá cược đánh bạc với Ngô Thế C6 đặt cược 2.000.000đ. Tổng số tiền T4 đặt cược để đánh bạc là 1.800.000đ.

- Nguyễn Đình C5 đặt cược 300.000đ để cá cược đánh bạc với Ngô Thế C6 đặt cược 1.000.000đ. Tổng số tiền C5 đã đặt cược để đánh bạc là 300.000đ.

- Nguyễn Duy H1 đặt cược 1.000.000đ để cá cược với Nguyễn Chí C4 đặt cược 1.000.000đ. Tổng số tiền H1 đặt cược đánh bạc là 1.000.000đ.

- Nguyễn Như T2 là chủ nhà không đặt cược đánh bạc, nhưng có hành vi cho các đối tượng nêu trên đánh bạc tại nhà ở của mình. Biết các đối tượng đánh bạc, sát phạt nhau, được thua bằng dưới hình thức cá cược đá gà nhưng vẫn đồng ý cho đánh bạc. không thu tiền hồ hoặc lợi ích vật chất nào. không rủ rê người khác đánh bạc, nên không có hành vi Tổ chức đánh bạc, gá bạc. Hành vi của Nguyễn Như T2 phạm tội đánh bạc.

Tuy Nguyễn Tiến T3 sử dụng số tiền 1.800.000đ để đánh bạc, bản thân chưa có tiền án, tiền sự gì về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ. Nhưng Tiến T3 là chủ gà, đã cung cấp công cụ cho các đối tượng khác đánh bạc, biết các đối tượng sử dụng kết quả của trận đá gà để sát phạt ăn tiền và trực tiếp đánh bạc, nên Tiến T3 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc với vai trò đồng phạm giúp sức theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 17 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Khánh T4, Nguyễn Đình C5 và Nguyễn Duy H1 đã tham gia đánh bạc. Tuy nhiên, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc đều dưới

5.000.000đ, chưa có tiền án, tiền sự gì về tội Đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an xã L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền mỗi người 1.500.000đ là có căn cứ, đúng quy định.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2026/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 tỉnh Phú Thọ đã áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Trần Tiến T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; xử phạt bị cáo Lãng Văn B 01 (một) năm 01 (một) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Như T2 (tức Tiếp) 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự số: 21/2023/HS-ST ngày 23/3/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo do T2 phạm tội mới trong thời gian thử thách. Buộc Nguyễn Như T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù; Xử phạt Nguyễn Tiến T3 (tức N), Trần Trung H mỗi bị cáo 01 (một) năm tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Nguyễn Thế M 01 (một) năm 01 (một) tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt Ngô Thế C6 và Nguyễn Chí C4 mỗi bị cáo 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo xử phạt Bùi Văn T6 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Đồng thời bản án còn xử lý về vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/5/2026 các bị cáo Nguyễn Như T2, Trần Tiến T, Lãng Văn B, Trần Văn C có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo miễn hình phạt bổ sung.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo T2 xin rút đơn kháng cáo, cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T xin rút kháng cáo; bị cáo B và bị cáo C thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lãng Văn B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm, xử phạt bị cáo B 01 năm 01 tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn C, sửa một phần Bản án sơ thẩm, số 58/2026/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Phú Thọ: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 năm tù.

Bị cáo không có ý kiến gì, không bào chữa gì khác và xin Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, căn cứ Điều 342, khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Từ khoảng hơn 9 giờ đến 10 giờ 15 phút ngày 02/9/2025, tại nhà riêng của Nguyễn Như T2 ở xã L, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Như T2 có hành vi cho Trần Trung H, Nguyễn Tiến T3 (02 chủ gà) mượn địa điểm để các đối tượng Nguyễn Chí C4, Lăng Văn B, Ngô Thế C6, Nguyễn Thế M, Nguyễn Tiến T3, Trần Trung H, Trần Văn C, Trần Tiến T, Nguyễn Khánh T4, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Đình C5 đánh bạc trái phép dưới hình thức đá gà chơi, được thua bằng tiền.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc: Nguyễn Chí C4 11.800.000đ, Lăng Văn B 10.000.000đ, Ngô Thế C6 15.600.000đ, Nguyễn Thế M 11.500.000đ, Trần Văn C 10.600.000đ, Trần Trung H 6.000.000đ, Nguyễn Tiến T3 1.800.000đ, Trần Tiến T 10.300.000đ.

[4]. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lăng Văn B 01 năm 01 tháng tù, Trần Văn C 01 năm tù về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1]. Đối với bị cáo B: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Tại cấp phúc thẩm bị cáo B xuất trình biên lai về việc đã nộp số tiền 10.200.000đ tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự về tội “Đánh bạc” đã chấp hành xong thời gian thử thách, nhưng chưa được xóa án tích, không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật, do vậy cũng cần phải xử lý

ng nghiêm. Cấp sơ thẩm sau khi xem xét, xử phạt bị cáo 01 năm 01 tháng tù là có căn cứ, do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[5.2]. Đối với bị cáo C: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân bị cáo có 01 tiền sự ngày 23/7/2024 có hành vi Đánh bạc, bị Công an huyện S, Vĩnh Phúc xử phạt hành chính là phạt tiền chưa được xóa tiền sự,

[5.3]. Tại cấp phúc thẩm bị cáo C xuất trình biên lai về việc đã nộp số tiền 13.300.000đ gồm tiền phạt bổ sung, tiền truy thu và án phí sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng tại cấp phúc thẩm. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, giảm nhẹ hình phạt giúp bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội

[6]. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, giảm hình phạt cho bị cáo C. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa đối với bị cáo B là phù hợp, có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, đối với bị cáo C Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo C được chấp nhận, bị cáo T rút kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm; bị cáo B phải chịu án phí phúc thẩm.

[8]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Tiến T. Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2026/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 tỉnh Phú Thọ về hình phạt đối với bị cáo T có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lãng Văn B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2026/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Phú Thọ về hình phạt đối với bị cáo B.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật

Tổ tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn C, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2026/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Phú Thọ về hình phạt đối với bị cáo C.

Tuyên bố bị cáo Lãng Văn B và bị cáo Trần Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Lãng Văn B 01 (một) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lãng Văn B phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Tiến T và bị cáo Trần Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thúy Mai Bùi Thị Đoan Trang

Nguyễn Xuân Trọng